TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2019/DS-PT
Ngày 12-7-2019
V/v tranh chấp hợp đồng ủy quyền và đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Ngô Văn Minh

Bà Nguyễn Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chữ Cần – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng ủy quyền và đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2018/DS-ST, ngày 05/11/2018 của TAND thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 203/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim O, sinh năm 1967; trú tại: 64/7 đường số 5, Phường 13, quận G, Thành phố H, có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1959; trú tại: 3A/C khu phố H, phường L, thị xã Th, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị R, sinh năm 1961; trú tại: 3A/C khu phố H, phường L, thị xã Th, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

2. Văn phòng Công chứng A, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: 396A Nguyễn Trãi, phường L, thị xã Th, Tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lê Thị Kim O và bị đơn ông Nguyễn Văn Nh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2018, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Kim O trình bày: Năm 2011 ông Nh giới thiệu cho bà O nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 54,5m^2 đất thuộc thửa số 992, tờ bản đồ số C2, tọa lạc tại khu phố Bình Phước, phường Bình Nhâm, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Tháng 3/2014, bà O nhờ ông Nh xin phép xây dựng căn nhà cấp 4 trên thửa đất nêu trên, sau khi xây nhà xong vào tháng 5/2014 bà O giao toàn bộ bản chính giấy tờ chuyển nhượng cho ông Nh để ông Nh làm giùm thủ tục hoàn công, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Ngày 09/7/2014, bà O được Ủy ban nhân dân thị xã Thuận An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT 508783, số vào sổ CH04653/BN. Cuối tháng 5/2014, bà O cho ông Ngô Quốc H thuê căn nhà nêu trên để mở cơ sở kinh doanh vận tải với thời hạn 02 năm, tuy nhiên do bà O ở xa khó khăn trong việc đi lại để thu tiền thuê hàng tháng nên nhờ ông Nh trực tiếp lấy tiền thuê nhà và sau đó đưa lại cho bà O. Sau khi hết hạn hợp đồng cho thuê nhà, ông H vẫn tiếp tục muốn thuê nhà của bà O, mặc dù hai bên chưa ký lại hợp đồng thuê mới nhưng ông H vẫn tiếp tục sử dụng căn nhà của bà O để kinh doanh. Đến tháng 11/2016, ông Nh gọi điện thoại nói với bà O rằng muốn mượn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền của bà O để làm thủ tục cho Công ty của ông H. Vì tin tưởng ông Nh nên bà O đồng ý đưa cho ông Nh. Tuy nhiên, khoảng 01 tuần sau ông Nh gọi điện cho bà O nói do vợ chồng mâu thuẫn nên vợ ông Nh đã đốt hết giấy tờ, trong đó có bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền của bà O. Ông Nh hứa sẽ làm thủ tục xin cấp lại giấy tờ nhà đất cho bà O nên ông Nh kêu bà O tới Văn phòng Công chứng để ký hợp đồng ủy quyền cho ông Nh đại diện đi làm thủ tục xin cấp lại giấy tờ nhà cho bà O, vì tin tưởng ông Nh nên ngày 20/12/2016 bà O và ông Nh ra Văn phòng Công chứng A để ký hợp đồng ủy quyền. Ông Nh nhiều lần yêu cầu bà O đưa tiền để làm thủ tục xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà O đã đưa cho ông Nh tổng cộng 13.000.000 đồng. Do thời gian lâu nhưng không thấy ông Nh trả lời nên bà O liên lạc với ông Nh thì được biết ông Nh đang làm thủ tục sang tên nhà và đất của bà O cho vợ chồng ông Nh đứng tên. Do đó, bà O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Hợp đồng ủy quyền giữa bà Lê Thị Kim O và ông Nguyễn Văn Nh được Văn phòng Công chứng A công chứng ngày 20/12/2016 số công chứng 15077, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD.

- Yêu cầu ông Nguyễn Văn Nh trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 508783 do

UBND thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 09/7/2014 cho bà Lê Thị Kim O.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, bà O xác định không vay tiền cũng như không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ ông Nh nên không đồng ý.

Theo bản tự khai ngày 19/4/2018, đơn phản tố ngày 23/4/2018, quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn Nh trình bày: Ông Nh thống nhất lời trình bày của bà O về việc ông Nh giới thiệu cho bà O mua thửa đất trên và ông Nh làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà O. Tuy nhiên, trước đây ông Nh có cho bà O vay số tiền 800.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 09/9/2009 vay số tiền 200.000.000 đồng;

- Lần 2: Ngày 14/12/2009 vay số tiền 300.000.000 đồng;

- Lần 3: Ngày 19/02/2010 vay số tiền 300.000.000 đồng.

Việc vay mượn được lập thành văn bản là các giấy mượn tiền, bà O có ký tên vào các giấy mượn tiền trên, thời hạn vay 02 năm, lãi suất chỉ thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Bà O có đưa cho ông Nh những giấy tờ gồm: Chứng minh nhân dân, hộ khẩu, giấy khai sinh, giấy kết hôn có công chứng để làm tin. Sau khi vay tiền, ông Nh nhiều lần nhắc nhở nhưng bà O vẫn không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào. Sau nhiều lần hai bên bàn bạc, bà O và ông Nh thống nhất làm hợp đồng ủy quyền giao lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất nói trên cho ông Nh để ông Nh bán thu hồi số tiền bà O vay. Ngày 19/12/2016, ông Nguyễn Đức Th (chồng bà O) và bà O có ra Phòng Công chứng A làm văn bản cam kết về tài sản riêng của bà O. Ngày 20/12/2016, bà O và ông Nh ký hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng Công chứng A công chứng. Nội dung ủy quyền "Bên B (là ông Nguyễn Văn Nh) nhân danh Bên A (bà Lê Thị Kim O) đăng ký biến động thông tin chủ sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng, cấp đổi giấy chứng nhận, nhận đặt cọc, cho thuê, (kể cả hủy chuyển nhượng, hủy đặt cọc, chấm dứt cho thuê) đối với toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên". Sau khi ký hợp đồng ủy quyền, bà O giao cho ông Nh bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất nêu trên và hiện nay ông Nh vẫn đang giữ bản chính giấy chứng nhận này. Do đó, ông Nh không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà O và có yêu cầu phản tố như sau: Yêu cầu bà Lê Thị Kim O có trách nhiệm trả lại số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ tháng 3/2010 đến tháng 3/2018 là 800.000.000 đồng x 1% x 96 tháng = 768.000.000 đồng, tổng cộng: 1.568.000.000 đồng. Sau khi bà O trả hết số tiền trên, ông Nh sẽ đồng ý hủy Hợp đồng ủy quyền ngày 20/12/2018 giữa ông Nh và bà O, đồng thời trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà O.

Theo bản tự khai ngày 07/05/2018, quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị R trình bày: Bà R là vợ của bị đơn ông Nguyễn Văn Nh. Số tiền 800.000.000 đồng ông Nh cho bà O vay là tài sản chung của vợ chồng bà. Bà R thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu phản tố của ông Nh, bà R không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 10/5/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng A trình bày: Về chủ thể ký kết hợp đồng: Bên ủy quyền: Bà Lê Thị Kim O có chồng là ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1964, ông Thcó văn bản cam kết về tài sản, ông Th xác định quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là tài sản riêng của bà Lê Thị Kim O. Việc xác định bên ủy quyền đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Bên nhận ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1959, hộ khẩu thường trú tại 3A/C, khu phố H, phường L, thị xã Th, tỉnh Bình Dương, đủ điều kiện nhận ủy quyền theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm công chứng, các bên có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, tự nguyện giao kết hợp đồng, mục đích, nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Như vậy chủ thể ký kết hợp đồng đúng theo quy định pháp luật. Tài sản giao dịch: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại khu phố Bình Phước, phường Bình Nhâm, thị xã Thuận An đã được Ủy ban nhân dân thị xã Thuận An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho bà Lê Thị Kim O, đủ điều kiện thực hiện việc ủy quyền theo quy định của pháp luật tại thời điểm công chứng. Nội dung hợp đồng: Bên ủy quyền và bên được ủy quyền đồng ý thỏa thuận toàn bộ nội dung Hợp đồng, các bên tự do ý chí, tự nguyện thỏa thuận nội dung và tham gia ký kết hợp đồng. Mục đích, nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Như vậy Công chứng viên thực hiện việc công chứng hợp đồng ủy quyền nêu trên là đúng theo quy định pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các bên liên quan, Văn phòng Công chứng A không có ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2018/DS-ST, ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An đã xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim O về việc "Tranh chấp hợp đồng ủy quyền" đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Nh. Hủy Hợp đồng ủy quyền được Văn phòng Công chứng A công chứng số 15077, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20-12-2016 giữa bà Lê Thị Kim O và ông Nguyễn Văn Nh. Buộc ông Nguyễn Văn Nh phải trả lại cho bà Lê Thị Kim O 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 508783, số vào sổ cấp GCN: CH 04653/BN, do Ủy ban nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Lê Thị Kim O vào ngày 09-7-2014. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn Nh về việc "Đòi lại tài sản" với nguyên đơn bà Lê Thị Kim O. Buộc bà Lê Thị Kim O trả cho ông Nguyễn Văn Nh số tiền 800.000.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn Nh về việc buộc nguyên đơn bà Lê Thị Kim O phải thanh toán tiền lãi là 768.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí giám định, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/11/2018, bà Lê Thị Kim O là nguyên đơn và ngày 19/11/2018, ông Nguyễn Văn Nh là bị đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu được xét xử lại phúc thẩm.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/6/2019, bà Lê Thị Kim O là nguyên đơn và ông Nguyễn Văn Nh là bị đơn thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Tại Biên bản hòa giải ngày 26/6/2019, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi xem xét tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Tại Biên bản hòa giải ngày 26/6/2019, bà Lê Thị Kim O và ông Nguyễn Văn Nh đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể: Hủy Hợp đồng ủy quyền ngày 20/12/2016 giữa bên ủy quyền bà Lê Thị Kim O và bên được ủy quyền ông Nguyễn Văn Nh do Văn phòng Công chứng A công chứng ngày 20/12/2016, số công chứng 15077. Bà Lê Thị Kim O có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Nh 300.000.000 đồng, thời hạn trả nợ đến hết ngày 26/9/2019. Ông Nguyễn Văn Nh giao trả lại cho bà Lê Thị Kim O Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH 04653/BN, do Ủy ban nhân dân thị xã Thuận An cấp cho bà Lê Thị Kim O vào ngày 09/7/2014 (bản chính). Chi phí giám định tại cấp sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Nh phải chịu 1.800.000 đồng, được trừ vào số tiền ông Nh đã nộp tạm ứng. Chi phí giám định tại cấp phúc thẩm: Bà Lê Thị Kim O phải chịu 2.120.000 đồng, được trừ vào số tiền bà O đã nộp tạm ứng. Về án phí: Các bên nộp theo quy định của pháp luật.

[2] Xét thấy, việc thỏa thuận của bà O, ông Nh tại biên bản hòa giải ngày 26/6/2019 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Bà O có đơn xin giảm án phí được UBND phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận là gia đình thuộc diện khó khăn và ông Nh có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi, không có khả năng lao

động, xét giảm án phí cho bà O và miễn án phí của ông Nh theo quy định của pháp luật. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 5, 10, 147, 148, 161, 300 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 3 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ các Điều: 12, 13, 15, 26, 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Sửa Bản án sơ thẩm số: 78/2018/DS-ST, ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Hủy Hợp đồng ủy quyền ngày 20/12/2016 giữa bên ủy quyền bà Lê Thị Kim O và bên được ủy quyền ông Nguyễn Văn Nh do Văn phòng Công chứng A công chứng ngày 20/12/2016, số công chứng 15077. Bà Lê Thị Kim O có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Nh 300.000.000 đồng, thời hạn trả nợ đến hết ngày 26/9/2019. Ông Nguyễn Văn Nh giao trả lại cho bà Lê Thị Kim O Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH 04653/BN, do Ủy ban nhân dân thị xã Thuận An cấp cho bà Lê Thị Kim O vào ngày 09/7/2014 (bản chính). Chi phí giám định tại cấp sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Nh phải chịu 1.800.000 đồng, được trừ vào số tiền ông Nh đã nộp tạm ứng. Chi phí giám định tại cấp phúc thẩm: Bà Lê Thị Kim O phải chịu 2.120.000 đồng, được trừ vào số tiền bà O đã nộp tạm ứng.

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim O phải chịu 3.000.000 đồng, được khấu trừ vào 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0023200 ngày 30/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An. Bà Lê Thị Kim O còn phải nộp tiếp 2.400.000 đồng. Miễn án phí cho ông Nguyễn Văn Nh, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An trả lại cho ông Nh 29.520.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023374 ngày 26/4/2018.

Án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị Kim O phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0024479, ngày 19/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An. Miễn án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn Nh, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An trả lại cho Nguyễn Văn Nh 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0024490, ngày 20/11/2018.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (12/7/2019)./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- TAND thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Trung

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Ngô Văn Minh **Nguyễn Ngọc Mai** **Nguyễn Thành Trung**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- TAND thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Trung